



# LỊCH SỬ QUY ĐỊNH VỀ HÌNH PHẠT ĐỐI VỚI CÁC TỘI PHẠM THAM NHŨNG TRONG PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM VÀ ĐỊNH HƯỚNG HOÀN THIỆN THEO TINH THẦN VĂN KIỆN ĐẠI HỘI XIII CỦA ĐẢNG

Trần Văn Hải

Trường Đại học Luật, Đại học Huế, Đường Võ Văn Kiệt, Huế, Việt Nam

\* Tác giả liên hệ: **Trần Văn Hải** <tranvanhai@hueuni.edu.vn>

(Ngày nhận bài: 29-05-2024; Ngày chấp nhận đăng: 09-12-2024)

**Tóm tắt:** Bài viết đề cập đến lịch sử các quy định về hình phạt đối với tội phạm tham nhũng trong pháp luật hình sự Việt Nam và định hướng hoàn thiện theo tinh thần của Đại hội XIII của Đảng. Đấu tranh phòng chống tham nhũng nói chung và các tội phạm tham nhũng nói riêng luôn là công tác được Đảng và Nhà nước rất quan tâm trong bất kỳ giai đoạn lịch sử nào. Chính vì vậy, trong mỗi lần Đại hội Đảng toàn quốc, vấn đề này luôn được đề cập và cụ thể hóa trong các Văn kiện. Gần đây nhất, Văn kiện Đại hội XIII của Đảng cũng đưa ra các giải pháp căn cơ quyết liệt về phòng, chống tham nhũng. Để góp phần thực hiện theo tinh thần Văn kiện của Đảng, trong phạm vi bài viết, trên cơ sở nghiên cứu lịch sử lập pháp quy định về hình phạt đối với các tội phạm tham nhũng trong pháp luật hình sự Việt Nam cũng như thông qua phân tích tình hình kinh tế xã hội hiện nay của đất nước, tác giả sẽ đưa ra hướng hoàn thiện quy định về hình phạt áp dụng đối với nhóm tội phạm này.

**Từ khóa:** Hình phạt; tội phạm tham nhũng; lịch sử; pháp luật hình sự; Văn kiện Đại hội Đảng

## THE HISTORY OF PUNISHMENT RULES FOR CORRUPTION CRIMES IN VIETNAMESE CRIMINAL LAW AND SUGGESTIONS FOR IMPROVEMENT BASED ON THE IDEAS OF THE 13<sup>TH</sup> PARTY CONGRESS DOCUMENTS

Tran Van Hai

University of Law, Hue University, Vo Van Kiet St., Hue, Vietnam

Correspondence to **Tran Van Hai** <tranvanhai@hueuni.edu.vn>

(Received: May 29, 2024; Accepted: December 09, 2024)

**Abstract:** The history of regulations concerning penalties for corruption crimes in Vietnam's criminal law and the direction for improvement in accordance with the spirit of the Party's 13th Congress is discussed in this article. The fight against corruption has always been a significant concern for the Party and the State throughout the history of Vietnam. Therefore, at each National Party Congress, this issue is addressed and elaborated upon in official documents. Most recently, the documents of the 13th National Party Congress provided comprehensive solutions for anti-corruption efforts. In this article, based on a study of the legal history of penalties for corruption crimes in Vietnam's criminal law and considering the current economic and social situation in the country, this article proposes directions for enhancing the regulations on penalties applicable to this group of offenses.

**Keywords:** Penalties; corruption crimes; history; criminal law; party congress documents

## 1. Đặt vấn đề

Các tội phạm về tham nhũng là nhóm tội phạm gây ảnh hưởng rất nghiêm trọng đến sự phát triển bền vững của đất nước, làm cho kinh tế chậm phát triển, gây thất thoát, lãng phí tài sản của dân, thiệt hại ngân sách, gây rối loạn nền kinh tế, gia tăng khoảng cách giàu nghèo ngày càng trầm trọng. Hơn nữa, nó làm xói mòn lòng tin của nhân dân vào Đảng, Nhà nước, làm cho chế độ chính trị dần suy yếu từ bên trong, tạo điều kiện cho các thế lực thù địch lợi dụng tấn công, chống phá. Phòng, chống tham nhũng là nhiệm vụ cực kỳ khó khăn, phức tạp của Đảng và Nhà nước. Chính vì vậy, trong Văn kiện Đại hội XIII của Đảng đã đưa ra chủ trương và giải pháp căn cơ quyết liệt về phòng, chống tham nhũng, cụ thể: *“Triển khai đồng bộ, có hiệu quả quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng. Nâng cao hiệu quả thu hồi tài sản tham nhũng, bảo đảm đúng pháp luật. Thực hiện quyết liệt, nghiêm minh, có hiệu quả cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng. Khẩn trương xây dựng cơ chế phòng ngừa, cơ chế răn đe để kiểm soát tham nhũng”*<sup>1</sup>. Bên cạnh đó, Văn kiện còn đề cập nhiều nội dung định hướng khác liên quan đến công tác phòng, chống tham nhũng. Để góp phần vào thực hiện tốt và hiệu quả theo tinh thần Văn kiện Đại hội XIII của Đảng về phòng, chống tham nhũng, trong phạm vi bài viết này, tác giả đi vào nghiên cứu sâu lịch sử quy định về hình phạt đối với các tội phạm tham nhũng trong pháp luật Hình sự Việt Nam, trên cơ sở đó, đưa ra một số định hướng hoàn thiện phù hợp với tinh thần Văn kiện Đại hội XIII của Đảng.

---

<sup>1</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, Tập 2, tr. 63-64.

## 2. Lịch sử quy định về hình phạt đối với các tội phạm tham nhũng trong pháp luật hình sự Việt Nam trước khi Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 có hiệu lực

- Giai đoạn từ năm 1945 đến trước khi Bộ luật Hình sự năm 1985 có hiệu lực.

Sau khi giành được chính quyền, Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà dưới sự lãnh đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ban hành nhiều văn bản về pháp luật hình sự làm cơ sở cho đấu tranh phòng, chống tội phạm nói chung và phòng, chống các tội phạm về tham nhũng nói riêng. Người coi *“chống tham ô, lãng phí và bệnh quan liêu cũng quan trọng và cần kíp như đánh giặc trên mặt trận”*. Trong những ngày đầu thành lập nước, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký Sắc lệnh số 223/SL ngày 27/11/1946 về *“Trừng trị các tội biển thủ và hối lộ”*. Người tỏ thái độ kiên quyết: *“Phải tẩy sạch nạn tham ô, lãng phí và bệnh quan liêu”*. Vì vậy, giai đoạn này, Nhà nước ta đã ban hành rất nhiều văn bản quy định về các hành vi phạm tội và hình phạt liên quan đến tham nhũng để bảo vệ tài sản Nhà nước và tài sản của nhân dân, bảo vệ hoạt động đúng đắn của các cơ quan, tổ chức. Cụ thể như trong Sắc lệnh số 223/SL ngày 27/11/1946 về trừng trị các tội hối lộ, phù lạm, biển thủ công quỹ, điều 1 quy định: *“Tội đưa hối lộ cho công chức, tội công chức nhận hối lộ hoặc phù lạm, biển thủ công quỹ hay của công dân đều bị phạt khổ sai từ năm đến hai mươi năm và phạt bạc gấp đôi tang vật hối lộ, phù lạm hay biển thủ; tang vật hối lộ bị tịch thu sung công; người phạm tội có thể bị xử tịch thu nhiều nhất là đến ba phần tư gia sản; các đồng phạm và tòng phạm cũng bị phạt như trên”*. Với việc quy định hình phạt áp dụng đối hành vi phạm tội, Sắc lệnh đã thể hiện thái độ lên án đối với các tội hối lộ và những hành vi khác lợi dụng chức vụ, quyền hạn xâm phạm tài sản Nhà nước. Trong giai đoạn này, còn có một số văn bản khác như: Sắc lệnh 267/SL, ngày 15/6/1946 quy định trừng trị những âm mưu và hoạt động phá hoại tài sản của Nhà nước, của hợp tác xã và của nhân dân làm cản trở việc thực hiện chính sách, kế hoạch của Nhà nước; Sắc lệnh 267/SL ngày 15/5/1956 về tội cố ý làm trái công tác phụ trách gây hậu quả nghiêm trọng;... Đặc biệt ngày 21/10/1970, Nhà nước đã ban hành Pháp lệnh Trừng trị các tội phạm xâm phạm tài sản xã hội chủ nghĩa (gọi tắt là XHCN) và Pháp lệnh Trừng trị các tội phạm xâm phạm tài sản riêng của công dân. Hai Pháp lệnh này được ban hành nhằm bảo vệ cơ sở vật chất XHCN và tạo cơ sở pháp lý cho công tác phòng, chống tội phạm. Một số tội phạm về tham nhũng được quy định là: tội tham ô; tội cố ý làm trái nguyên tắc chính sách về kinh tế, tài chính gây thiệt hại tài sản XHCN; tội lạm dụng chức quyền chiếm đoạt tài sản riêng của công dân. Trong hai Pháp lệnh này, hình phạt được quy định đa dạng hơn các văn bản trước đó<sup>2</sup>, tạo sự thuận lợi cho việc áp dụng. Tuy nhiên, hai văn bản này chỉ quy định hình phạt chính mà chưa ghi nhận hình phạt bổ sung. Hạn chế này được khắc phục trong Pháp lệnh trừng trị các tội hối lộ được ban hành ngày 20/5/1981. Với pháp lệnh này, lần đầu tiên tội nhận và đưa hối lộ được quy định thành một điều luật độc lập, các dấu hiệu pháp lý được mô tả, các tình tiết tăng nặng và giảm

<sup>2</sup> Đã quy định về hình phạt tù có thời hạn, tù chung thân và tử hình.

nhẹ cũng được quy định tại các điều khoản cụ thể thể hiện sự phân hóa trách nhiệm hình sự, đặc biệt quy định số hình phạt bổ sung như cấm đảm nhiệm chức vụ, phạt tiền, tịch thu tài sản.

Có thể nói, mặc dù còn những hạn chế nhất định trong quy định về tội phạm và hình phạt đối với các tội phạm tham nhũng, trong giai đoạn này pháp luật hình sự đã quy định một số tội phạm tham nhũng điển hình như: tội đưa hối lộ, tội nhận hối lộ; tội đào nhiệm; tội tham ô;... đồng thời các văn bản cũng đã quy định những hình phạt rất nghiêm khắc và khá đa dạng, ngoài hình phạt chính còn có các hình phạt bổ sung tạo thuận lợi cho việc áp dụng.

*- Giai đoạn từ khi có Bộ luật Hình sự năm 1985 đến trước khi Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung 2017 có hiệu lực.*

Ngày 27/6/1985, Bộ luật Hình sự (gọi tắt là BLHS) đầu tiên của nước Cộng hòa XHCN Việt Nam ra đời, đánh dấu một bước phát triển mới của pháp luật hình sự Việt Nam. Trên cơ sở kế thừa kinh nghiệm lập pháp hình sự và kinh nghiệm đấu tranh phòng, chống tội phạm những giai đoạn trước, BLHS năm 1985 đã quy định các tội phạm về chức vụ thành một chương riêng<sup>3</sup>. Sau nhiều lần sửa đổi, BLHS năm 1985 đã mở rộng các đối tượng và hành vi phạm tội tham nhũng, đặc biệt với chính sách nghiêm trị đối với nhóm tội phạm này, các quy định về hình phạt đều theo hướng tăng nặng khung hình phạt. Cụ thể, trong BLHS năm 1985 sửa đổi bổ sung năm 1997 có nhiều tội danh được quy định với mức cao nhất của khung hình phạt là chung thân, tử hình. Một số tội danh bị áp dụng hình phạt tử hình như tội tham ô tài sản Xã hội Chủ nghĩa (Điều 133); tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn lừa đảo chiếm đoạt tài sản Xã hội Chủ nghĩa (Điều 134a); tội lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản của công dân (Điều 156); tội nhận hối lộ (Điều 226). Bên cạnh đó, một số tội danh được áp dụng mức cao nhất là tù chung thân gồm có tội lạm quyền trong khi thi hành công vụ (Điều 221a); tội giả mạo trong công tác (Điều 224); tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn gây ảnh hưởng với người khác để trục lợi (Điều 228a). Ngoài ra, còn quy định về hình phạt tù có thời hạn để áp dụng, đồng thời quy định các hình phạt bổ sung như: cấm đảm nhận chức vụ nhất định; hình phạt tiền; tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản. Có thể thấy, các quy định về hình phạt của BLHS năm 1985 đã thể hiện sự đa dạng các hình phạt áp dụng và chính sách xử lý nghiêm khắc, không khoan nhượng của Nhà nước đối với loại tội phạm này.

Đến BLHS năm 1999, trong lần pháp điển hóa lần thứ 2 này, các quy định về tội phạm và hình phạt nói chung được thể hiện một cách đầy đủ, cụ thể và rõ ràng hơn so với BLHS năm 1985. Chính vì vậy, đối với các tội phạm tham nhũng cũng có nhiều thay đổi hoàn thiện. Cụ thể, BLHS năm 1999 đã đưa tất cả các tội phạm tham nhũng và liên quan đến tham nhũng vào trong một Chương tội phạm cụ thể<sup>4</sup>, đồng thời chia ra hai nhóm tội phạm: (1) Các tội phạm về tham nhũng (Mục A), (2) Các tội phạm khác về chức vụ (Mục B). Với quy định này, đã tạo cơ sở pháp

<sup>3</sup> Chương 9, Bộ luật Hình sự năm 1985.

<sup>4</sup> Chương XXI, Bộ luật Hình sự năm 1999.

lý rõ ràng, cụ thể để truy cứu TNHS đối với các hành vi tham nhũng cũng như xác định hình phạt tương ứng. Trong số 7 tội danh về tham nhũng, có 2 tội danh quy định mức cao nhất của khung hình phạt là tử hình, có 2 tội danh quy định mức cao nhất của khung hình phạt được áp dụng là tù chung thân, đồng thời quy định các hình phạt chính khác như hình phạt tù có thời hạn, hình phạt cải tạo không giam giữ cũng được áp dụng. Ngoài ra, còn quy định các hình phạt bổ sung như: cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định; hình phạt tiền; hình phạt tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản. Với quy định về hình phạt, BLHS năm 1999 đã thể hiện sự nhất quán của Đảng và Nhà nước ta trong chính sách về hình phạt đối với nhóm tội phạm này.

Như vậy, có thể thấy, trong giai đoạn từ khi có Bộ luật Hình sự năm 1985 đến trước khi Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung 2017 có hiệu lực, pháp luật hình sự Việt Nam đã có sự hoàn thiện hơn trong quy định về tội và hình phạt đối với các hành vi tham nhũng. Điểm nổi bật nhất trong giai đoạn này đó là sự thống nhất về một nhóm các quy định tập trung trong một chương tội phạm cụ thể, điều này đã tạo thuận lợi cho việc xác định hình phạt, thể hiện sự phân hóa rõ ràng trong tính chất, mức độ nguy hiểm của mỗi tội phạm để xác định hình phạt tương ứng. Các hình phạt được quy định đã thể hiện được chính sách cứng rắn và nghiêm trị của Nhà nước đối với các tội phạm này. Tuy vậy, các quy định về hình phạt áp dụng trong giai đoạn này vẫn chưa thể hiện rõ chính sách khoan hồng để khuyến khích đối với những hành vi phạm tội đã có thái độ tốt trong việc khắc phục thiệt hại do tội phạm mình gây ra, hoặc có lập công, hỗ trợ cơ quan chức năng phát hiện và xử lý kịp thời các hành vi tham nhũng. Cũng như chưa có quy định cụ thể để xử lý hình sự và áp dụng hình phạt đối với những người có chức vụ, quyền hạn làm trong các doanh nghiệp, tổ chức ngoài nhà nước thực hiện hành vi tham nhũng.

### **3. Quy định về hình phạt đối với các tội phạm tham nhũng trong BLHS năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017**

Trải qua các giai đoạn lập pháp hình sự, Nhà nước vẫn luôn giữ chính sách xử lý tội phạm và người phạm tội theo hướng kết hợp nghiêm trị với khoan hồng, kết hợp cưỡng chế với giáo dục, thuyết phục, và đối với các tội phạm tham nhũng điều đó cũng không phải là ngoại lệ. Chính sách này, được cụ thể hóa trong các nguyên tắc của BLHS qua các thời kỳ, đặc biệt, trong BLHS năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 (gọi tắt là BLHS năm 2015) được thể hiện một cách rõ nét hơn. Chính sách “*kết hợp nghiêm trị với khoan hồng, kết hợp cưỡng chế với giáo dục, thuyết phục*” trước hết phải thể chế hóa vào các nguyên tắc xử lý cơ bản như: “*Nghiêm trị người chủ mưu, cầm đầu, chỉ huy, ngoan cố chống đối, côn đồ, tái phạm nguy hiểm, lợi dụng chức vụ, quyền hạn để phạm tội*”; “*Nghiêm trị người phạm tội dùng thủ đoạn xảo quyệt, có tổ chức, có tính chất chuyên nghiệp, cố ý gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng*”<sup>5</sup> và: “*Khoan hồng đối với người tự thú, đầu thú, thành*

<sup>5</sup> Điểm c, d Khoản 1, Điều 3 Bộ luật Hình sự năm 2015.

khẩn khai báo, tố giác đồng phạm, lập công chuộc tội, tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm hoặc trong quá trình giải quyết vụ án, ăn năn hối cải, tự nguyện sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại gây ra"<sup>6</sup>; "Đối với người lần đầu phạm tội ít nghiêm trọng, thì có thể áp dụng hình phạt nhẹ hơn hình phạt tù, giao họ cho cơ quan, tổ chức hoặc gia đình giám sát, giáo dục"<sup>7</sup>. Những nguyên tắc xử lý trên đây, đến lượt mình là cơ sở pháp lý hình sự để nhà làm luật xây dựng (quy định) các chế định và quy định về hình phạt đối với các tội phạm tham nhũng. Kết quả nghiên cứu nội dung chế định và quy định về hình phạt trong Bộ luật Hình sự năm 2015 cho thấy Bộ luật này thể hiện:

*Thứ nhất*, quy định hình phạt nghiêm khắc nhằm nghiêm trị đối với người lợi dụng chức vụ, quyền hạn để phạm tội. Tính nguy hiểm cao của các tội phạm tham nhũng thể hiện trước hết ở chỗ người phạm tội sử dụng chức vụ, quyền hạn như một phương tiện để thực hiện hành vi xâm phạm nghiêm trọng đến lợi ích của nhà nước, lợi ích của tổ chức và của cá nhân, xâm phạm đến hoạt động đúng đắn, bình thường của cơ quan, tổ chức, gây mất lòng tin đối với bộ máy hoạt động của Nhà nước, của tổ chức, doanh nghiệp. Chính vì vậy, các quy định về hình phạt luôn thể hiện tính nghiêm trị cao đối với các hành vi phạm tội tham nhũng. Không phải ngẫu nhiên mà tất cả các tội phạm tham nhũng được nhà làm luật quy định trong BLHS năm 2015 đều là loại tội phạm nghiêm trọng, rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng mà không có loại tội phạm ít nghiêm trọng<sup>8</sup>. Và đặc biệt, giống như BLHS năm 1999, trong số 07 tội danh thuộc nhóm tội phạm tham nhũng trong BLHS năm 2015 có đến 02 tội danh có mức cao nhất của khung hình phạt là tử hình<sup>9</sup> và 02 tội danh có mức cao nhất của khung hình phạt là tù chung thân<sup>10</sup>. Tính nguy hiểm cao của các tội phạm tham nhũng còn thể hiện ở chỗ chúng gây những hậu quả đặc biệt nghiêm trọng về tài sản của Nhà nước, của tổ chức, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến lòng tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước. Vì thế cần phải nghiêm trị, BLHS năm 2015 đã quy định mức cao nhất của khung hình phạt là tử hình được áp dụng đối với trường hợp người phạm tội tham ô tài sản và tội nhận hối lộ mà gây ra hậu quả đặc biệt nghiêm trọng khi chiếm đoạt tài sản trị giá từ 1 tỷ đồng trở lên hoặc gây thiệt hại từ 5 tỷ đồng trở lên. Hoặc trường hợp người phạm tội thực hiện hành vi lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản hoặc lợi dụng chức vụ, quyền hạn gây ảnh hưởng đối với người khác để trục lợi mà giá trị tài sản từ 1 tỷ đồng trở lên hoặc gây thiệt hại từ 5 tỷ đồng trở lên thì thuộc vào khung hình phạt có mức cao nhất là tù chung thân.

---

<sup>6</sup> Điểm d, Khoản 1, Điều 3 Bộ luật Hình sự năm 2015.

<sup>7</sup> Điểm đ, Khoản 1, Điều 3 Bộ luật Hình sự năm 2015.

<sup>8</sup> Tất cả các tội phạm tham nhũng đều có mức cao nhất của khung hình phạt trên 3 năm tù.

<sup>9</sup> Tội tham ô tài sản (Điều 354) và tội nhận hối lộ (Điều 353).

<sup>10</sup> Tội lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản (Điều 355) và tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn gây ảnh hưởng đối với người khác để trục lợi (Điều 358).

*Thứ hai*, quy định về hình phạt mang tính khoan hồng đối với người phạm tội tham ô tài sản và tội nhận hối lộ trong trường hợp đã khắc phục được phần lớn thiệt hại gây ra và có thái độ tích cực hỗ trợ cơ quan chức năng phát hiện, giải quyết tội phạm. Cụ thể, “*Người bị kết án tử hình về tội tham ô tài sản, tội nhận hối lộ mà sau khi bị kết án đã chủ động nộp lại ít nhất ba phần tư tài sản tham ô, nhận hối lộ và hợp tác tích cực với cơ quan chức năng trong việc phát hiện, điều tra, xử lý tội phạm hoặc lập công lớn*”<sup>11</sup> thì hình phạt tử hình được chuyển xuống tù chung thân<sup>12</sup>. Đây là định hướng xử lý mang tính khoan hồng, nhân đạo đặc biệt đối với người phạm tội, được Nhà nước cụ thể hóa vào trong quy định của BLHS năm 2015. Quy định này hướng đến việc khắc phục thiệt hại do một số tội phạm tham nhũng gây ra. Theo báo cáo tổng kết, sau 10 năm thi hành Luật Phòng, chống tham nhũng, có đến gần 90% tài sản tham nhũng không thu hồi được. Cụ thể trong 10 năm, tổng số tiền bị thiệt hại của các vụ án tham nhũng lên đến 59.750 tỉ đồng và trên 400 ha đất. Trong số này, các cơ quan chức năng đã thu hồi 4.676,6 tỉ đồng, tức chưa đầy 8% và trên 219 ha đất<sup>13</sup>. Từ khó khăn, hạn chế này trong việc thu hồi tài sản do các tội phạm về tham nhũng gây ra, đặc biệt là tội tham ô tài sản và tội nhận hối lộ, thì quy định về chuyển hình phạt tử hình xuống tù chung thân khi đảm bảo các điều kiện tại Điểm c Khoản 3 Điều 40 BLHS năm 2015 như đã đề cập ở trên là rất cần thiết. Mặt khác, với quy định này, sẽ góp phần đảm bảo xu hướng hạn chế áp dụng hình phạt tử hình đã được ghi nhận trong chiến lược cải cách tư pháp đã đề ra từ Nghị quyết Số: 49NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị<sup>14</sup>.

Ngoài ra, cũng giống như các văn bản luật trước, BLHS năm 2015 quy định về các hình phạt chính khác như hình phạt tù có thời hạn, hình phạt cải tạo không giam giữ và quy định một số hình phạt bổ sung như hình phạt cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định; hình phạt tiền; hình phạt tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản. Điều này tiếp tục tạo sự thuận lợi, linh hoạt cho Tòa án khi lựa chọn hình phạt để áp dụng cho người phạm tội tham nhũng.

#### **4. Một số hạn chế trong quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015 về hình phạt áp dụng đối với người phạm tội tham nhũng**

Với quy định về hình phạt áp dụng, thể hiện sự phù hợp và tiến bộ trong tư tưởng, quan điểm và mục tiêu chiến lược của Nhà nước đối với công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm tham nhũng. Tuy nhiên, bên cạnh những mặt tích cực, quy định về hình phạt đối với các tội phạm tham

---

<sup>11</sup> Điểm c, Khoản 3, Điều 40 Bộ luật Hình sự năm 2015.

<sup>12</sup> Điểm c, Khoản 3, Điều 40 Bộ luật Hình sự năm 2015.

<sup>13</sup> Chí Hiếu (2017), *Tài sản tham nhũng thu hồi được chưa đầy 8%*, truy cập tại: <https://thanhnien.vn/tai-san-tham-nhung-thu-hoi-duoc-chua-day-8-185576527.htm>, truy cập ngày 20/3/2024.

<sup>14</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam (2005), *Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6 của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*, Hà Nội.

những vẫn còn bộc lộ một số hạn chế:

*Thứ nhất*, chưa có quy định về xử lý nghiêm khắc đối với người phạm tội là người có chức vụ cao. Các tội phạm tham nhũng thường được thực hiện bởi những người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan Nhà nước, tổ chức hoặc doanh nghiệp. Trong đó, vai trò đóng góp để thực hiện hành vi phạm tội trong những vụ án có đồng phạm phụ thuộc nhiều vào vị trí, chức vụ mà người phạm tội đang có, nếu người có chức vụ càng cao thì vai trò càng quan trọng. Hay nói cách khác, một trong những yếu tố để đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của tội phạm được thể hiện qua vị trí, chức vụ của người thực hiện hành vi phạm tội. Tuy nhiên, trong các quy định về hình phạt của pháp luật hình sự Việt Nam đối với các tội phạm tham nhũng hiện nay, chưa có quy định nào thể hiện tính nghiêm khắc hơn đối với hành vi phạm tội do người có vị trí, chức vụ cao trong cơ quan, tổ chức hoặc doanh nghiệp. Vấn đề này từng được đề cập trong Nghị quyết Số: 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị **về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020**, cụ thể đối với “*Người có chức vụ càng cao mà lợi dụng chức vụ, quyền hạn phạm tội thì càng phải xử lý nghiêm khắc để làm gương cho người khác*”<sup>15</sup>.

*Thứ hai*, chính sách khoan hồng và giảm nhẹ hình phạt đối với trường hợp người phạm tội có hành vi tích cực để khắc phục thiệt hại hoặc giao nộp lại phần lớn tài sản đã chiếm đoạt, chưa được quy định toàn diện và đầy đủ cho nhóm tội phạm tham nhũng. Như đã đề cập, hầu hết các tội phạm tham nhũng chủ yếu gây ra những thiệt hại, thất thoát về tài sản của Nhà nước, của tổ chức và của cá nhân, nhưng trên thực tế, việc thu hồi tài sản, khắc phục thiệt hại gặp rất nhiều khó khăn, hạn chế. Để khắc phục vấn đề này, Nhà nước đã có một số chính sách khoan hồng đối với người phạm tội có hành vi tích cực khắc phục thiệt hại do tội phạm gây ra hoặc giao nộp tài sản do mình chiếm đoạt, cụ thể: (1) nếu người bị kết án tử hình về tội tham ô tài sản, tội nhận hối lộ mà sau khi bị kết án đã chủ động nộp lại ít nhất ba phần tư tài sản tham ô, nhận hối lộ và hợp tác tích cực với cơ quan chức năng trong việc phát hiện, điều tra, xử lý tội phạm hoặc lập công lớn thì hình phạt tử hình được chuyển xuống tù chung thân<sup>16</sup> và (2) nếu người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại hoặc khắc phục hậu quả thì tình tiết này được Tòa án áp dụng làm tình tiết giảm nhẹ<sup>17</sup>. Với quy định này trong BLHS năm 2015, cho thấy chính sách khoan hồng lớn của Nhà nước chỉ đặt ra cho người phạm tội tham ô tài sản hoặc tội nhận hối lộ khi bị kết án tử hình hoặc tình tiết này chỉ được áp dụng làm tình tiết giảm nhẹ đối với người phạm tội, mà chưa có quy định là tình tiết định khung giảm nhẹ ở các tội phạm cụ thể trong nhóm tội phạm này để khuyến khích hơn tinh thần tự nguyện khắc phục hậu quả của tội phạm gây ra.

---

<sup>15</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam (2005), *Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6 của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*, Hà Nội.

<sup>16</sup> Điểm c, Khoản 3, Điều 40 Bộ luật Hình sự năm 2015.

<sup>17</sup> Điểm c, Khoản 1, Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.



*Thứ ba*, chưa mở rộng phạm vi quy định áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính đối với các tội phạm tham nhũng. Có thể thấy, BLHS năm 2015 có nhiều quy định về hình phạt được sửa đổi, bổ sung, trong đó chú trọng hơn về việc mở rộng phạm vi áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ và hình phạt tiền theo đúng tinh thần Nghị quyết số 49/NQ-TW của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp<sup>18</sup>. Tuy nhiên, đối với các tội phạm tham nhũng, hình phạt tiền chưa được chú trọng để áp dụng. Trong khi đó, nhóm các tội phạm tham nhũng là nhóm tội gây ra những thiệt hại lớn về kinh tế cho cá nhân, cơ quan, tổ chức cũng như gây ảnh hưởng xấu đến sự phát triển của nền kinh tế, chính trị, xã hội đất nước. Mặt khác, hầu hết các quy định cụ thể về nhóm tội phạm này đều đề cập đến giá trị tài sản bị tội phạm gây thiệt hại (chiếm đoạt hoặc làm thất thoát) làm căn cứ để định tội cũng như định khung hình phạt.

Ngoài ra, hình phạt quy định đối với tội lạm quyền trong khi thi hành công vụ được quy định tại khung cơ bản chưa phù hợp. Theo quy định, tội phạm này có mức cao nhất của khung hình phạt được áp dụng tối đa là 20 năm tù<sup>19</sup>, và nhà làm luật quy định khung cơ bản tại Khoản 1 của tội danh này là phạt tù “từ 01 năm đến 07 năm”, trong khi đó, một số tội phạm khác như tội lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản và tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn gây ảnh hưởng đối với người khác để trục lợi là những tội phạm có mức hình phạt cao nhất được áp dụng lên đến tù chung thân<sup>20</sup>, nhưng quy định hình phạt áp dụng ở khung cơ bản tại Khoản 1 là phạt tù từ 1 năm đến 6 năm. Như vậy, khung hình phạt được áp dụng tại khung cơ bản của tội danh này chưa phù hợp và nặng hơn so với các quy định của các tội phạm khác có tính chất, mức độ nguy hiểm cao hơn.

## **5. Định hướng hoàn thiện quy định về hình phạt đối với các tội phạm tham nhũng theo tinh thần Văn kiện Đại hội lần thứ XIII của Đảng**

Văn kiện Đại hội XIII của Đảng đã xác định “*Công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí là một nhiệm vụ đặc biệt quan trọng trong công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, xây dựng, củng cố hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Kiên quyết, kiên trì đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi tham nhũng, lãng phí, với quyết tâm chính trị cao hơn, hành động mạnh mẽ, triệt để hơn, hiệu quả hơn. Kết hợp chặt chẽ giữa tích cực phòng ngừa với chủ động phát hiện, xử lý nghiêm minh, kịp thời những hành vi tham nhũng, lãng phí, bao che, dung túng, tiếp tay cho tham nhũng, can thiệp, cản trở việc chống tham nhũng, lãng phí, không có vùng cấm, không có ngoại lệ. Phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và của toàn dân; thực hiện đồng bộ các biện pháp chính trị, tư*

---

<sup>18</sup> Theo Chiến lược cải cách tư pháp của Bộ Chính trị thì cần hoàn thiện chính sách xử lý người phạm tội theo hướng giảm khả năng áp dụng hình phạt tù, mở rộng phạm vi áp dụng các hình phạt không mang tính giam giữ như hình phạt tiền, hình phạt cải tạo không giam giữ.

<sup>19</sup> Khoản 4, Điều 357 Bộ luật Hình sự năm 2015.

<sup>20</sup> Khoản 4, Điều 355 và Điều 358 Bộ luật Hình sự năm 2015.

*tường, tổ chức, hành chính, kinh tế, hình sự*<sup>21</sup>. Xuất phát từ những hạn chế trong quy định về hình phạt đối với các tội phạm tham nhũng trong pháp luật hình sự Việt Nam và để đáp ứng tình hình mới về đấu tranh phòng, chống nhóm tội phạm này, đặc biệt phù hợp với tinh thần phòng, chống tham nhũng được thể hiện trong Văn kiện Đại hội XIII của Đảng, có thể đề xuất một số hướng hoàn thiện cụ thể như sau:

Một là, cần quy định thêm các tình tiết định khung tăng nặng “*người phạm tội là người có chức vụ cao nhất trong cơ quan, tổ chức*” ở Khoản 2 của các tội phạm tham nhũng từ Điều 353 đến Điều 358 trong BLHS năm 2015. Quy định này nhằm thể hiện thái độ nghiêm trị của Nhà nước trong chính sách xử lý người thực hiện các hành vi phạm tội tham nhũng có vị trí, chức vụ cao, thể hiện sự phù hợp với tính chất, mức độ nguy hiểm của tội phạm và phù hợp với tinh thần cải cách tư pháp cũng như tinh thần “*Thực hiện quyết liệt nghiêm minh có hiệu quả cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng*”<sup>22</sup>, phát huy thật tốt trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên theo phương châm “*chức vụ càng cao càng phải gương mẫu*”<sup>23</sup> đã được thể hiện trong Văn kiện Đại hội XIII của Đảng.

Hai là, Nhà nước cần mở rộng phạm vi áp dụng các tình tiết định khung giảm nhẹ theo hướng bổ sung tình tiết “*người phạm tội bồi thường tất cả các thiệt hại hoặc giao nộp toàn bộ tài sản đã chiếm đoạt*” làm tình tiết định khung giảm nhẹ ở một số tội phạm tham nhũng có khung hình phạt cao. Quy định này góp phần tích cực vào việc thu hồi tài sản, khắc phục thiệt hại do các tội phạm tham nhũng gây ra, thể hiện quan điểm phù hợp với tinh thần thể hiện trong Văn kiện Đại hội XIII của Đảng là “*Nâng cao hiệu quả thu hồi tài sản tham nhũng, bảo đảm đúng pháp luật*”<sup>24</sup>. Cụ thể là:

Đối với tội tham ô tài sản và tội nhận hối lộ, cần bổ sung thêm khoản quy định về tình tiết định khung giảm nhẹ sau Khoản 4, theo đó quy định thêm Khoản 5, cụ thể: “...5. *Người phạm tội thuộc Khoản 2 và Khoản 3 Điều luật này mà đã bồi thường tất cả các thiệt hại do tội phạm gây ra hoặc giao nộp toàn bộ tài sản đã chiếm đoạt được thì bị phạt tù từ 3 năm đến 12 năm*”. Và chuyển Khoản 5, Khoản 6 ở các tội danh này thành Khoản 6 và Khoản 7. Sở dĩ không áp dụng chính sách này với trường hợp người phạm tội thuộc Khoản 4 của tội tham ô tài sản và tội nhận hối lộ bởi vì đây là trường hợp đặc biệt nghiêm trọng, thể hiện tính chất, mức độ nguy hiểm của tội phạm đặc biệt lớn nên người phạm tội sẽ không được hưởng chính sách khoan hồng này. Tuy

<sup>21</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội; Tập 1, tr. 92.

<sup>22</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội; Tập 2, tr. 64.

<sup>23</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội; Tập 1, tr. 17.

<sup>24</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội; Tập 2, tr. 63.

nhiên, nếu người phạm tội bị Tòa án áp dụng hình phạt tù hình mà thỏa mãn điều kiện tại Điểm c, Khoản 3 Điều 40 BLHS năm 2015 thì sẽ được hưởng sự khoan hồng đặc biệt của Nhà nước như đã đề cập.

Bên cạnh đó, tình tiết định khung giảm nhẹ này cũng nên áp dụng đối với một số tội phạm tham nhũng khác có khung hình phạt cao như tội lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản (Điều 355) và tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn gây ảnh hưởng đối với người khác để trục lợi (Điều 358). Đây là hai tội danh còn lại có khung hình phạt cao nhất là tù chung thân. Do đó, nên bổ sung thêm khoản quy định về tình tiết định khung giảm nhẹ này sau Khoản 4 của các tội danh, theo đó quy định thêm Khoản 5, cụ thể là: “...5. Người phạm tội thuộc Khoản 2, Khoản 3 và Khoản 4 của Điều luật này mà đã bồi thường tất cả các thiệt hại do tội phạm gây ra hoặc giao nộp toàn bộ tài sản đã chiếm đoạt được thì bị phạt tù từ 3 năm đến 15 năm”. Và chuyển Khoản 5 ở các tội danh này thành Khoản 6 của Điều luật.

Đối với trường hợp ở Khoản 1 của các tội danh thuộc Điều 353, Điều 354, Điều 355 và Điều 358 sẽ không quy định về tình tiết định khung giảm nhẹ này, bởi vì giá trị tài sản chiếm đoạt hoặc gây thiệt hại thấp, do đó, nếu người phạm tội tự nguyện khắc phục thiệt hại hoặc giao nộp tài sản thì sẽ được áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại Điều 51 BLHS năm 2015<sup>25</sup>.

Ba là, cần quy định hình phạt tiền là hình phạt chính đối với các tội phạm về tham nhũng, trù tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ (Điều 356) và tội giả mạo trong công tác (Điều 359). Theo đó, cần bổ sung hình phạt tiền ở Khoản 1 của các tội phạm, cụ thể như sau:

- Tại Khoản 1, Điều 353 BLHS 2015 về tội tham ô tài sản cần quy định: “Người nào lợi dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản mà mình có trách nhiệm quản lý trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị **phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng** hoặc phạt tù từ 02 năm đến 07 năm...”.

- Tại Khoản 1, Điều 354 BLHS 2015 về tội nhận hối lộ cần quy định: “Người nào lợi dụng chức vụ, quyền hạn trực tiếp hoặc qua trung gian nhận hoặc sẽ nhận bất kỳ lợi ích nào sau đây cho chính bản thân người đó hoặc cho người hoặc tổ chức khác để làm hoặc không làm một việc vì lợi ích hoặc theo yêu cầu của người đưa hối lộ, thì bị **phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng** hoặc phạt tù từ 02 năm đến 07 năm...”.

- Tại Khoản 1, Điều 355 BLHS 2015 về tội lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản cần quy định: “Người nào lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị **phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng** hoặc phạt tù từ 01 năm đến 06 năm...”.

---

<sup>25</sup> Điểm b, Khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015 quy định tình tiết giảm nhẹ “ Người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại hoặc khắc phục hậu quả”.

- Tại Khoản 1, Điều 357 BLHS 2015 về tội lạm quyền trong khi thi hành công vụ cần quy định: “Người nào vì vụ lợi hoặc động cơ cá nhân khác mà vượt quá quyền hạn của mình làm trái công vụ gây thiệt hại về tài sản từ 10.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc gây thiệt hại khác đến lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân, thì bị **phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng** hoặc phạt tù từ 01 năm đến 07 năm...”.

- Tại Khoản 1, Điều 358 BLHS 2015 về tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn gây ảnh hưởng đối với người khác để trục lợi cần quy định: “Người nào lợi dụng chức vụ, quyền hạn trực tiếp hoặc qua trung gian đòi, nhận hoặc sẽ nhận bất kỳ lợi ích nào sau đây dưới mọi hình thức để dùng ảnh hưởng của mình thúc đẩy người có chức vụ, quyền hạn làm hoặc không làm một việc thuộc trách nhiệm hoặc liên quan trực tiếp đến công việc của họ hoặc làm một việc không được phép làm, thì bị **phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng** hoặc phạt tù từ 01 năm đến 06 năm...”.

Như vậy, việc sửa đổi, bổ sung như trên về hình phạt tiền là hình phạt chính cho phép thu hẹp phạm vi, đối tượng áp dụng hình phạt tù nhưng vẫn đảm bảo tính răn đe, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi và linh hoạt cho Tòa án lựa chọn hình phạt khi quyết định hình phạt. Ngoài ra, cần giảm mức hình phạt trong khung hình phạt tại Khoản 1, Điều 357 BLHS năm 2015 về tội lạm quyền trong khi thi hành công vụ để phù hợp với tính chất, mức độ nguy hiểm của tội phạm và tương xứng với quy định của các tội danh còn lại trong nhóm tội phạm tham nhũng. Theo đó, cần quy định khung hình phạt tại Khoản 1 của điều luật này như sau: “Người nào vì vụ lợi hoặc động cơ cá nhân khác mà vượt quá quyền hạn của mình làm trái công vụ gây thiệt hại về tài sản từ 10.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc gây thiệt hại khác đến lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân, thì bị **phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng** hoặc phạt tù từ 01 năm đến 06 năm”.

## 6. Kết luận

Phòng, chống các tội phạm về tham nhũng có vai trò vô cùng quan trọng đối với công cuộc đổi mới ở nước ta hiện nay. Trong phần phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp phát triển kinh tế – xã hội 5 năm 2021-2025, Văn kiện Đại hội XIII đã đưa ra nhiều chủ trương và giải pháp căn cơ quyết liệt về phòng, chống tham nhũng. Với tinh thần “Thực hiện kiên trì, kiên quyết, có hiệu quả cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí”<sup>26</sup>, đây chính là một trong những cơ sở để hoàn thiện chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng đặc biệt là các tội phạm về tham nhũng trong đó bao gồm hoàn thiện về hệ thống hình phạt được áp dụng. Có thể nói, quy định của BLHS năm 2015 về hình phạt áp dụng đối với các tội phạm tham nhũng đã thể hiện chính sách xử lý nghiêm minh, răn đe nhưng cũng vừa mang tính khoan hồng, nhân đạo của pháp luật. Tuy nhiên, để nâng cao hiệu quả đấu tranh phòng, chống nhóm tội

<sup>26</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, Tập 1, tr. 131.

phạm này trong tình hình mới, đặc biệt để đảm bảo sự phù hợp với tinh thần phòng, chống tham nhũng thể hiện trong Văn kiện Đại hội XIII của Đảng, các quy định về hình phạt của pháp luật hình sự đối với nhóm tội phạm này cần tiếp tục được hoàn thiện theo một số định hướng đã thể hiện trong bài viết.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chủ tịch Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (1946), Sắc lệnh số 223/SL, ngày 27/11/1946 về trừng trị các tội hối lộ, phù lạm, biển thủ công quỹ.
2. Chủ tịch Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (1946), Sắc lệnh 267/SL, ngày 15/6/1946 quy định trừng trị những âm mưu và hoạt động phá hoại tài sản của Nhà nước, của hợp tác xã và của nhân dân làm cản trở việc thực hiện chính sách, kế hoạch của Nhà nước.
3. Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (1956), Sắc lệnh 267/SL ngày 15/5/1956 về tội cố ý làm trái công tác phụ trách gây hậu quả nghiêm trọng.
4. Đảng Cộng sản Việt Nam (2005), *Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24/5 của Bộ Chính trị về chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020*, Hà Nội.
5. Đảng Cộng sản Việt Nam (2005), *Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6 của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*, Hà Nội.
6. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, Tập 1 và Tập 2.
7. Ủy ban Thường vụ Quốc hội (1970), Pháp lệnh số 149-LCT, ngày 21/10/1970 về trừng trị các tội phạm xâm phạm tài sản xã hội chủ nghĩa.
8. Ủy ban Thường vụ Quốc hội (1971), Pháp lệnh (không số), ngày 20/5/1981 về trừng trị các tội phạm xâm phạm tài sản riêng của công dân ban hành ngày 20/5/1981.
9. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Bộ luật Hình sự năm 1985.
10. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Bộ luật Hình sự năm 1999.
11. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Bộ luật Hình sự năm 2015.
12. Nguyễn Thái Cương, Nguyễn Thị Hồng Hạnh, Đặng Quang Huy (2023), Hoàn thiện chế định xử lý tài sản tham nhũng theo Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018, *Tạp chí Nghiên cứu lập pháp*, số 06 (478) – tháng 3.

13. Nguyễn Thị Bình (2024), Nhận diện các hành vi bị coi là tội phạm tham nhũng theo quy định của pháp luật Việt Nam hiện nay, *Tạp chí Dân chủ và Pháp luật*, Kỳ 1 (Số 406), tháng 6/2024.
14. Chí Hiếu (2017), *Tài sản tham nhũng thu hồi được chưa đầy 8%*, truy cập tại: <https://thanhnien.vn/tai-san-tham-nhung-thu-hoi-duoc-chua-day-8-185576527.htm>, truy cập ngày 20/3/2023.